CTCP Tập đoàn MBG (HNX: MBG)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	3,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.9%	**-17.5%**	**-28.3%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,200 - 5,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	397
Số lượng CPLH (CP)	120,218,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)	200,565
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.89
EPS	-487
P/E	-6.8

Tỷ suất lợi nhuận

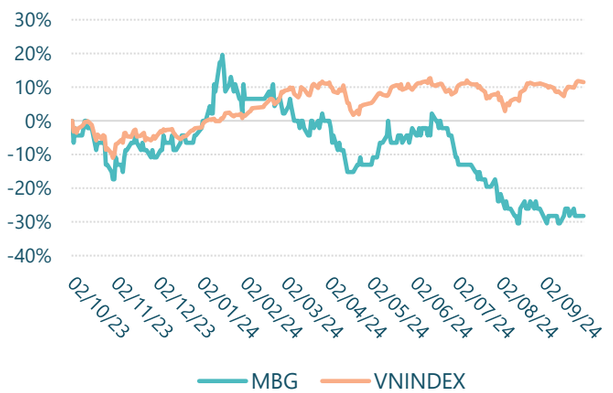

Doanh thu thuần

Q3/24

85.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.8 | 26.4%

YoY: ▼22.7 | -21.0%

Nợ/VCSH

Q3/24

4.5%

YoY: +/-▼ 3.9%

LN gộp

Q3/24

6.13

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.21 | 56.3%

YoY: ▼1.03 | -14.4%

ROE (TTM)

Q3/24

-4.5%

YoY: +/-▲ 1.3%

LN trước thuế

Q3/24

16.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.1 | 289%

YoY: ▲ 15.4 | 1609%

ROA (TTM)

Q3/24

-4.3%

YoY: +/-▲ 1.1%

Kết quả kinh doanh Q3/24

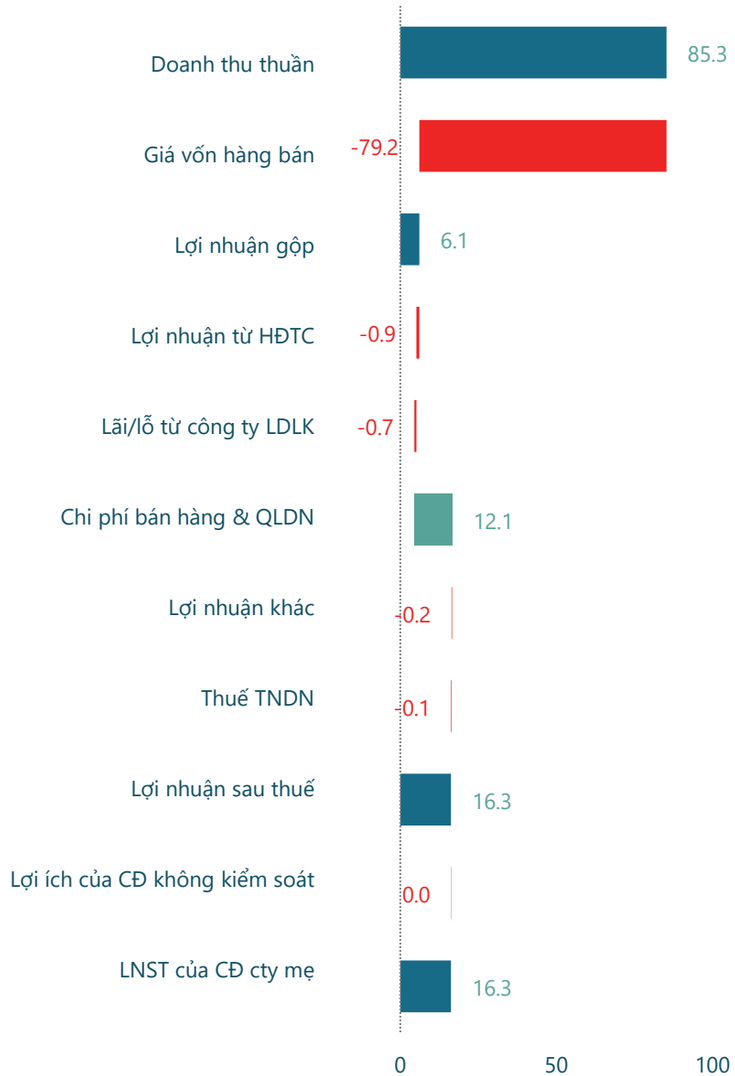

Kết quả kinh doanh

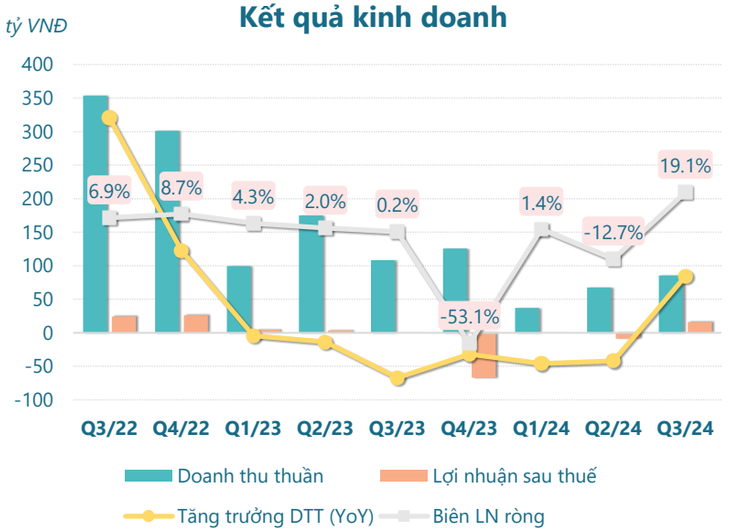

Kết quả kinh doanh của **MBG** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **85.32 tỷ đồng** giảm đi **21.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 16.26 tỷ đồng**, **tăng trưởng 8458%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **190.0 tỷ đồng** thấp hơn 50.3% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 8.00 tỷ đồng** bằng so với cùng kỳ năm trước.

Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 16.60 tỷ đồng**, tăng thêm 25.40 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 2143% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.91 tỷ đồng** giảm đi 0.69 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 1617% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.19 tỷ đồng** giảm đi 246% so với kỳ trước và thấp hơn 190% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

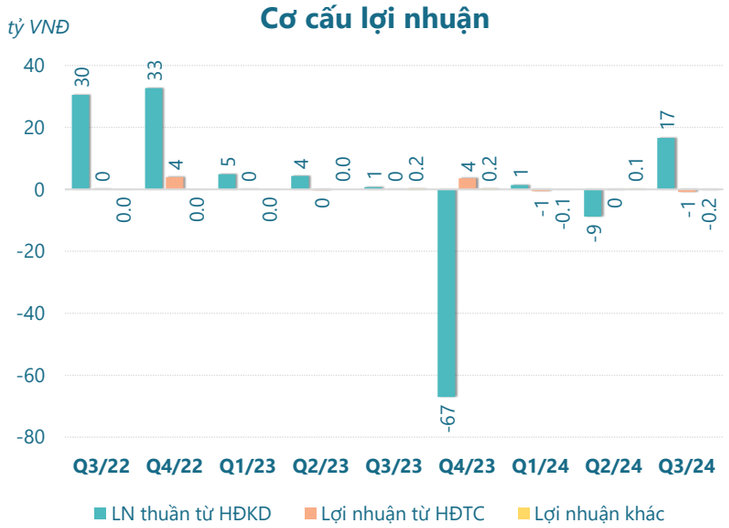

Cơ cấu chi phí

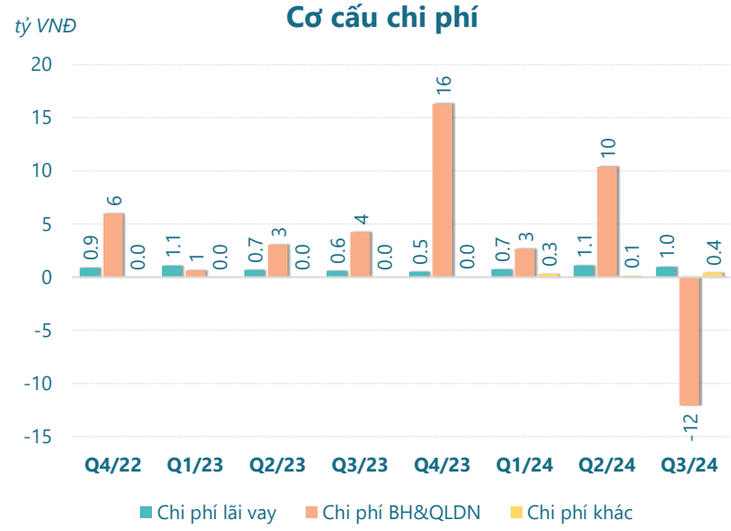

Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.96 tỷ đồng** giảm đi 11.9% so với kỳ trước và cao hơn 62.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **-12.08 tỷ đồng** giảm đi 216% so với kỳ trước và thấp hơn 384% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.43 tỷ đồng** tăng thêm 291% so với kỳ trước và tăng thêm 0.43 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Tập đoàn MBG (HNX: MBG)

FireAnt
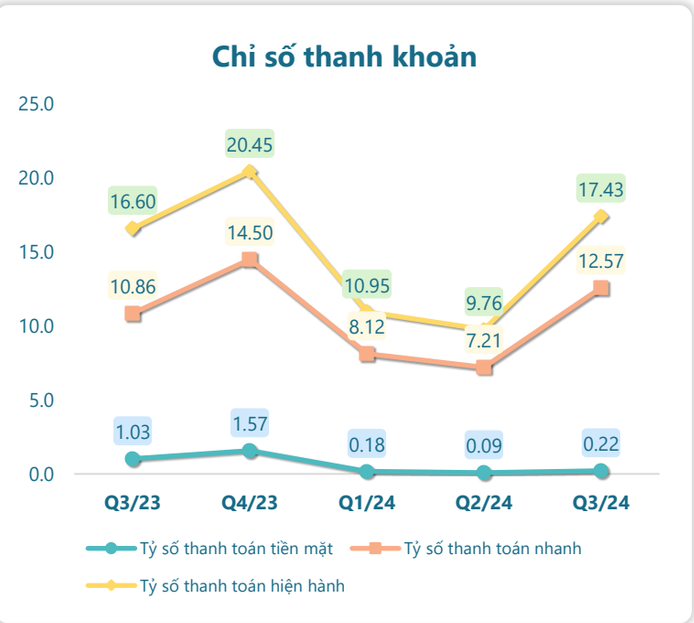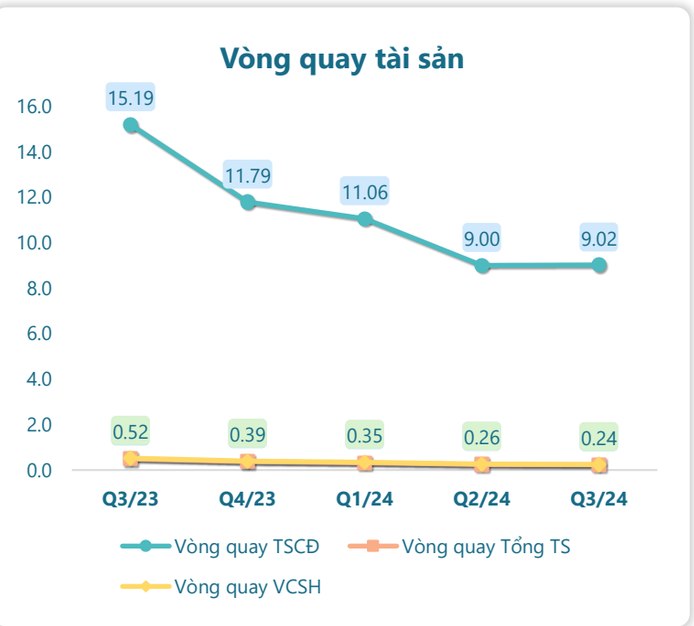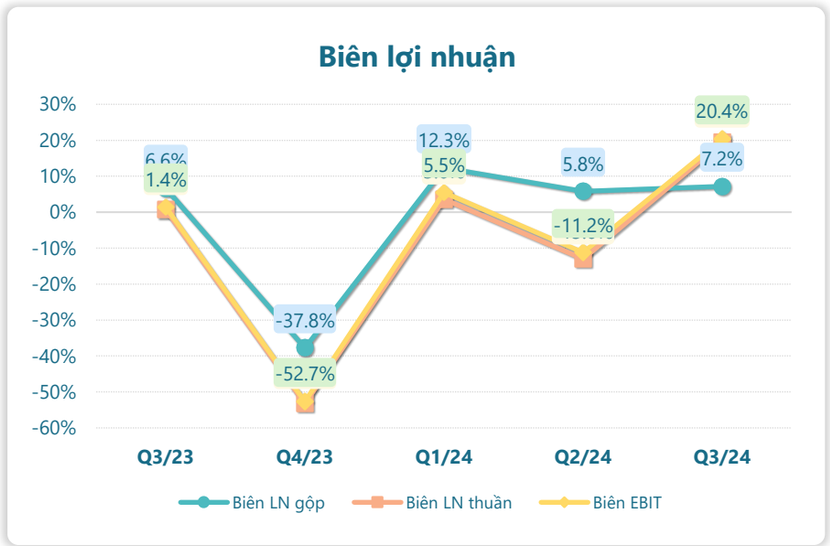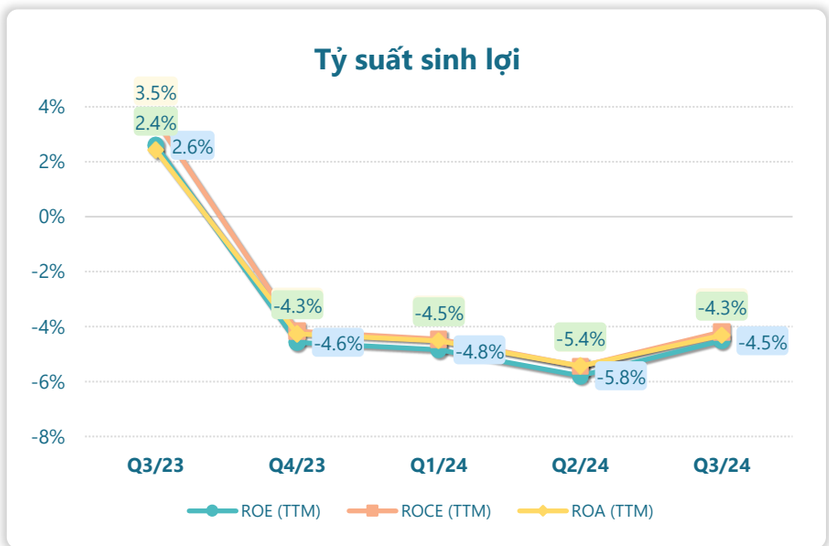
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**85.3**	**67.5**	**26.4%**	**108**	**-21.0%**	**190**	**382**	**-50.4%**
Giá vốn hàng bán	79.2	63.6	24.5%	101	-21.6%	175	364	-51.9%
Lợi nhuận gộp	6.13	3.92	56.3%	7.16	-14.4%	14.6	18.6	-21.3%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.87	-94.8%	0.66	-93.2%	1.09	2.08	-47.9%
Chi phí TC	0.96	1.09	-12.2%	0.59	62.2%	2.79	2.33	19.6%
Chi phí lãi vay	0.96	1.09	-12.2%	0.59	62.2%	2.79	2.33	19.6%
LN trong công ty LKLD	**-0.70**	**-2.13**	**67.3%**	**-2.24**	**68.9%**	**-2.80**	**-0.46**	**-507%**
Chi phí bán hàng	0.00	-0.01	111%	0.73	-99.9%	0.11	1.11	-89.9%
Chi phí QLDN	**-12.1**	**10.4**	**-216%**	**3.52**	**-443%**	**0.85**	**6.81**	**-87.6%**
LN thuần từ HĐKD	16.6	-8.80	289%	0.74	2143%	9.14	9.93	-7.9%
Lợi nhuận khác	**-0.19**	**0.13**	**-248%**	**0.21**	**-192%**	**-0.12**	**0.21**	**-155%**
LN trước thuế	16.4	-8.68	289%	0.96	1609%	9.02	10.1	-11.0%
Lợi nhuận sau thuế	**16.3**	**-8.60**	**289%**	**0.19**	**8459%**	**8.18**	**7.84**	**4.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**16.3**	**-8.60**	**289%**	**0.19**	**8459%**	**8.18**	**7.84**	**4.4%**